

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A1

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	1	000001	12A01	A	Lê Quốc	Bảo					
2	1	000002	12A01	A	Nguyễn Công	Bảo					
3	1	000003	12A01	A	Phạm Quốc	Bảo					
4	1	000008	12A01	A	Lê Nguyễn Ngọc	Duy					
5	1	000009	12A01	A	Nguyễn Bách Khang	Duy					
6	1	000011	12A01	A	Trương Phùng Kỳ	Duyên					
7	1	000014	12A01	A	Lại Thành	Đạt					
8	1	000020	12A01	A	Hà Gia	Huy					
9	1	000023	12A01	A	Huỳnh Thị Thu	Khanh					
10	1	000024	12A01	A	Nguyễn Huy	Khánh					
11	1	000025	12A01	A	Nguyễn Phước	Khánh					
12	2	000026	12A01	A	Đào Huỳnh Đăng	Khôi					
13	2	000027	12A01	A	Nguyễn Tuấn	Kiệt					
14	2	000028	12A01	A	Lê Diễm	Linh					
15	2	000029	12A01	A	Trương Phương	Linh					
16	2	000032	12A01	A	Võ Duy	Lộc					
17	2	000033	12A01	A	Đặng Thị Tuyết	Mai					
18	2	000034	12A01	A	Đỗ Ngọc	Mai					
19	2	000037	12A01	A	Đinh Thanh	Ngân					
20	2	000041	12A01	A	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên					
21	2	000042	12A01	A	Huỳnh Minh	Nhật					
22	2	000043	12A01	A	Lê Thị Yến	Nhi					
23	2	000044	12A01	A	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung					
24	2	000045	12A01	A	Chung Thực	Như					
25	2	000046	12A01	A	Đàm Thị Quỳnh	Như					
26	2	000047	12A01	A	Trần Nguyễn Hà	Như					
27	3	000053	12A01	A	Dương Khánh	Phú					
28	3	000057	12A01	A	Đặng Huỳnh Tấn	Tài					
29	3	000058	12A01	A	Nguyễn Chí	Tài					
30	3	000060	12A01	A	Ngô Văn Công	Thành					
31	3	000061	12A01	A	Nguyễn Ngọc Minh	Thảo					
32	3	000064	12A01	A	Trần Công	Thịnh					
33	3	000067	12A01	A	Trần Ngọc Bảo	Trâm					
34	3	000070	12A01	A	Trần Mai Anh	Tuấn					
35	3	000071	12A01	A	Nguyễn Phương	Uyên					
36	3	000072	12A01	A	Nguyễn Thanh	Vy					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A2

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	1	000004	12A02	A	Trần Đức	Bảo					
2	1	000005	12A02	A	Lê Hoàng Ngọc	Bích					
3	1	000006	12A02	A	Nguyễn Phương Thùy	Dung					
4	1	000007	12A02	A	Nguyễn Thùy	Dung					
5	1	000010	12A02	A	Trần Đỗ Đình	Duy					
6	1	000012	12A02	A	Phạm Thị Hồng	Duyên					
7	1	000013	12A02	A	Nguyễn Hải	Dương					
8	1	000015	12A02	A	Huỳnh	Giao					
9	1	000016	12A02	A	Lê Ngọc Thái	Hà					
10	1	000017	12A02	A	Nguyễn Đặng Diễm	Hằng					
11	1	000018	12A02	A	Lê Hoàng	Hiếu					
12	1	000019	12A02	A	Tổng Đức Minh	Hoàng					
13	1	000021	12A02	A	Lê Bảo	Khang					
14	1	000022	12A02	A	Lý Cẩm	Khang					
15	2	000030	12A02	A	Đặng Hoàng Trúc	Linh					
16	2	000031	12A02	A	Lê Thị Ngọc	Linh					
17	2	000035	12A02	A	Lâm Trương Huệ	Mỹ					
18	2	000036	12A02	A	Nguyễn Văn	Nam					
19	2	000038	12A02	A	Châu Thục	Nghi					
20	2	000039	12A02	A	Hồ Quỳnh Thanh	Ngọc					
21	2	000040	12A02	A	Nguyễn Thanh	Ngọc					
22	2	000048	12A02	A	Lê Vương Quỳnh	Như					
23	2	000049	12A02	A	Nguyễn Quỳnh	Như					
24	2	000050	12A02	A	Phạm Xuân Bảo	Như					
25	3	000051	12A02	A	Trương Ngọc Quỳnh	Như					
26	3	000052	12A02	A	Phạm Lê Kim	Oanh					
27	3	000054	12A02	A	Võ Hoàng	Phúc					
28	3	000055	12A02	A	Trần Ngô Uyên	Phương					
29	3	000056	12A02	A	Phạm Đỗ	Quyên					
30	3	000059	12A02	A	Bùi Duy	Tấn					
31	3	000062	12A02	A	Lê Thành	Thắng					
32	3	000063	12A02	A	Nguyễn Mạnh	Thắng					
33	3	000065	12A02	A	Trần Sáng	Thịnh					
34	3	000066	12A02	A	Lê Nguyễn Thảo	Tiên					
35	3	000068	12A02	A	Hồ Thị Tuyết	Trình					
36	3	000069	12A02	A	Nguyễn Khiết	Trình					
37	3	000073	12A02	A	Nguyễn Thị Ánh	Vy					
38	3	000074	12A02	A	Trương Ngọc	Yên					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A3

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000075	12A03	A1	Lương Nguyễn Khánh	An					
2	4	000076	12A03	A1	Nguyễn Đức Trường	An					
3	4	000081	12A03	A1	Phạm Vũ Xuân	Anh					
4	4	000092	12A03	A1	Hoàng Trương Ngọc	Ánh					
5	5	000101	12A03	A1	Trần Đình Gia	Bừu					
6	5	000102	12A03	A1	Châu Diễm	Ca					
7	5	000109	12A03	A1	Nguyễn Tuấn	Dũng					
8	5	000118	12A03	A1	Nguyễn Phú	Đạt					
9	6	000138	12A03	A1	Đinh Thị	Hân					
10	6	000139	12A03	A1	Trần Gia	Hân					
11	7	000147	12A03	A1	Trương Phan Minh	Hằng					
12	7	000149	12A03	A1	Nguyễn Ngọc Thanh	Hiền					
13	7	000156	12A03	A1	Nguyễn Vũ Minh	Hoàng					
14	7	000157	12A03	A1	Nguyễn Duy	Hùng					
15	7	000159	12A03	A1	Hoàng Ngọc	Huy					
16	7	000170	12A03	A1	Gan Minh	Hương					
17	8	000174	12A03	A1	Hoàng Đình Vĩnh	Khang					
18	8	000175	12A03	A1	Huỳnh Đức	Khang					
19	8	000193	12A03	A1	Lưu Nguyễn Anh	Khôi					
20	9	000199	12A03	A1	Lê Trần Tuấn	Kiệt					
21	9	000203	12A03	A1	Nguyễn Thị Vân	Lam					
22	9	000204	12A03	A1	Nguyễn Phương	Linh					
23	9	000214	12A03	A1	Lê Nguyễn Huỳnh	Long					
24	9	000215	12A03	A1	Phạm Thiên	Long					
25	9	000217	12A03	A1	Nguyễn Văn Phú	Lộc					
26	10	000221	12A03	A1	Trần Thảo	Ly					
27	10	000223	12A03	A1	Ma Nguyễn Hùng	Mạnh					
28	10	000225	12A03	A1	Phạm Đào Trường	Minh					
29	10	000240	12A03	A1	Vũ Hải	Nam					
30	12	000277	12A03	A1	Bùi Đặng Khánh	Nhiên					
31	12	000287	12A03	A1	Lê Đức	Phúc					
32	12	000288	12A03	A1	Trần Thiên	Phúc					
33	13	000300	12A03	A1	Vũ Minh	Quân					
34	13	000304	12A03	A1	Trương Huỳnh Anh	Quốc					
35	14	000317	12A03	A1	Nguyễn Thanh	Thái					
36	14	000318	12A03	A1	Chung Ngọc Đan	Thanh					
37	14	000320	12A03	A1	Nguyễn Huy	Thành					
38	14	000322	12A03	A1	Võ Như	Thảo					
39	14	000330	12A03	A1	Lê Võ Ngọc	Thư					
40	15	000339	12A03	A1	Trần Nguyễn Minh	Thy					
41	15	000346	12A03	A1	Nguyễn Trần Thanh	Trâm					
42	15	000352	12A03	A1	Nguyễn Minh	Trí					
43	15	000360	12A03	A1	Hoàng Quang	Trung					
44	16	000370	12A03	A1	Huỳnh Thị Tú	Uyên					
45	16	000376	12A03	A1	Lê Võ Ngọc	Vinh					
46	16	000378	12A03	A1	Trần Hoàng Thảo	Vy					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A4

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000082	12A04	A1	Lê Ngô Minh	Anh					
2	4	000093	12A04	A1	Trần Hoàng Thiên	Ân					
3	5	000100	12A04	A1	Trịnh Thị Thanh	Bình					
4	6	000126	12A04	A1	Đỗ Xuân	Đông					
5	6	000130	12A04	A1	Nguyễn Ngọc Hương	Giang					
6	6	000134	12A04	A1	Lê Long	Hải					
7	6	000135	12A04	A1	Nguyễn Tâm Trường	Hải					
8	6	000137	12A04	A1	Lê Phương	Hạnh					
9	7	000152	12A04	A1	Nguyễn Trọng	Hiếu					
10	7	000160	12A04	A1	Nguyễn Quang	Huy					
11	7	000161	12A04	A1	Trần Danh Quang	Huy					
12	8	000171	12A04	A1	Đào Lệ	Hương					
13	8	000176	12A04	A1	Đinh Phúc	Khang					
14	8	000177	12A04	A1	Mai Bảo	Khang					
15	8	000178	12A04	A1	Nguyễn Hữu Minh	Khang					
16	8	000194	12A04	A1	Bạch Văn Tín	Khôi					
17	9	000218	12A04	A1	Nguyễn Đại	Lộc					
18	10	000226	12A04	A1	Quần Lê	Minh					
19	10	000235	12A04	A1	Trần Trúc	My					
20	10	000241	12A04	A1	Nguyễn Văn	Nam					
21	11	000243	12A04	A1	Nguyễn Hà Bảo	Ngân					
22	11	000244	12A04	A1	Trần Phương	Ngân					
23	11	000250	12A04	A1	Hồ Đặng Phương	Nghi					
24	11	000251	12A04	A1	Ứng Lệ	Nghi					
25	11	000255	12A04	A1	Nguyễn Hương	Ngọc					
26	11	000256	12A04	A1	Trần Kim	Ngọc					
27	12	000284	12A04	A1	Nguyễn Quang	Phong					
28	12	000289	12A04	A1	Võ Lê Hoàng	Phúc					
29	13	000297	12A04	A1	Nguyễn Trương Đăng	Quang					
30	13	000305	12A04	A1	Trần Phương Ngọc	Quý					
31	13	000306	12A04	A1	Phan Ngọc Tường	Quyên					
32	13	000310	12A04	A1	Nguyễn Bảo Phương	Quỳnh					
33	14	000315	12A04	A1	Lê Trần Thiện	Tâm					
34	14	000319	12A04	A1	Lê Hoàng Ngân	Thanh					
35	14	000323	12A04	A1	Phan Thị	Thảo					
36	14	000325	12A04	A1	Lê Phụng	Thi					
37	14	000331	12A04	A1	Trần Hoàng Mai	Thư					
38	15	000356	12A04	A1	Thân Hoàng Phương	Trình					
39	15	000357	12A04	A1	Nguyễn Đức	Trọng					
40	15	000361	12A04	A1	Huỳnh Lâm Bảo	Trung					
41	16	000362	12A04	A1	Trịnh Nguyễn Minh	Trung					
42	16	000366	12A04	A1	Nguyễn Quốc	Tuấn					
43	16	000379	12A04	A1	Đặng Thảo	Vy					
44	16	000380	12A04	A1	Mai Thanh	Vy					
45	16	000384	12A04	A1	Ngô Trương Như	Ý					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A5

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000083	12A05	A1	Vũ Quốc	Anh					
2	4	000095	12A05	A1	Nguyễn Thái	Bảo					
3	4	000096	12A05	A1	Trần Ngọc	Bảo					
4	5	000105	12A05	A1	Nguyễn Như	Cường					
5	5	000119	12A05	A1	Huỳnh Lê	Đạt					
6	5	000120	12A05	A1	Trần Minh	Đạt					
7	6	000125	12A05	A1	Nguyễn Gia Khánh	Đoan					
8	6	000127	12A05	A1	Âu Ngọc	Đồng					
9	7	000162	12A05	A1	Lê Vũ Quốc	Huy					
10	7	000163	12A05	A1	Trần Gia	Huy					
11	8	000185	12A05	A1	Nguyễn Đình Bảo	Khánh					
12	8	000190	12A05	A1	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa					
13	9	000195	12A05	A1	Nguyễn Trọng	Khôi					
14	9	000205	12A05	A1	Cao Nguyễn Thảo	Linh					
15	9	000206	12A05	A1	Cao Nguyễn Trúc	Linh					
16	10	000227	12A05	A1	Nguyễn Phúc	Minh					
17	10	000228	12A05	A1	Vũ Đức	Minh					
18	11	000245	12A05	A1	Trương Thị Thanh	Ngân					
19	11	000252	12A05	A1	Phạm Gia	Nghi					
20	11	000253	12A05	A1	Võ Phương	Nghi					
21	11	000263	12A05	A1	Phan Kỳ	Nguyễn					
22	12	000281	12A05	A1	Đàm Truyền Mỹ	Nường					
23	12	000285	12A05	A1	Trần Lê Gia	Phú					
24	12	000290	12A05	A1	Đỗ Hoàng	Phúc					
25	13	000291	12A05	A1	Lai Phạm Như	Phúc					
26	13	000294	12A05	A1	Nguyễn Ngọc Mai	Phương					
27	13	000301	12A05	A1	Lưu Hồng	Quân					
28	13	000307	12A05	A1	Lương Trần Tổ	Quyên					
29	13	000311	12A05	A1	Nguyễn Lữ Như	Quỳnh					
30	13	000313	12A05	A1	Võ Trương Trung	Sơn					
31	14	000321	12A05	A1	Phạm Cao	Thành					
32	14	000332	12A05	A1	Huỳnh Lê Minh	Thư					
33	14	000333	12A05	A1	Nguyễn Phạm Minh	Thư					
34	15	000340	12A05	A1	Lê Anh	Thy					
35	15	000341	12A05	A1	Nguyễn Đức	Tiến					
36	15	000347	12A05	A1	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Trâm					
37	15	000349	12A05	A1	Mai Thị Yến	Trân					
38	15	000353	12A05	A1	Âu Lê Quang	Trí					
39	15	000354	12A05	A1	Trần Minh	Trí					
40	15	000355	12A05	A1	Võ Minh	Trí					
41	16	000367	12A05	A1	Đoàn Minh	Tuấn					
42	16	000371	12A05	A1	Nguyễn Thị Phương	Uyên					
43	16	000372	12A05	A1	Phan Hồng Khánh	Uyên					
44	16	000374	12A05	A1	Nguyễn Trần Thanh	Vân					
45	16	000375	12A05	A1	Bùi Ngọc Lan	Vi					
46	16	000381	12A05	A1	Nguyễn Ngọc Uyên	Vy					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A6

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000077	12A06	A1	Nguyễn Thái	An					
2	4	000078	12A06	A1	Nguyễn Xuân	An					
3	4	000084	12A06	A1	Lương Đỗ Trâm	Anh					
4	4	000094	12A06	A1	Nguyễn Mỹ Hạnh	Ân					
5	4	000097	12A06	A1	Đặng Trần Thái	Bảo					
6	5	000110	12A06	A1	Phạm Nguyễn Hoàng	Dũng					
7	5	000117	12A06	A1	Nguyễn Tấn	Đạt					
8	6	000131	12A06	A1	Nguyễn Thảo Nguyên	Giang					
9	6	000140	12A06	A1	Trần Hồng	Hân					
10	6	000141	12A06	A1	Trần Ngọc Gia	Hân					
11	7	000148	12A06	A1	Trương Nguyễn Thúy	Hằng					
12	7	000150	12A06	A1	Bảo Quý	Hiền					
13	7	000153	12A06	A1	Đào Trung	Hiếu					
14	7	000164	12A06	A1	Trương Đình Nhật	Huy					
15	7	000167	12A06	A1	Nguyễn Quách Vinh	Hưng					
16	8	000179	12A06	A1	Châu Nguyên	Khang					
17	8	000180	12A06	A1	Trần Lê	Khang					
18	8	000186	12A06	A1	Hà Quốc	Khánh					
19	8	000187	12A06	A1	Nguyễn Lê Kim	Khánh					
20	8	000188	12A06	A1	Nguyễn Quốc	Khánh					
21	9	000196	12A06	A1	Trần Nguyễn Đức	Khôi					
22	9	000207	12A06	A1	Ngô Thị Phương	Linh					
23	10	000229	12A06	A1	Đinh Lê Nhật	Minh					
24	10	000230	12A06	A1	Trương Hiền	Minh					
25	10	000236	12A06	A1	Lê Vũ Hải	My					
26	11	000254	12A06	A1	Nguyễn Ngọc Đường	Nghi					
27	11	000257	12A06	A1	Phạm Thị Bích	Ngọc					
28	11	000264	12A06	A1	Nguyễn Nhật Khôi	Nguyên					
29	12	000268	12A06	A1	Nguyễn Hoàng Phi	Nguyễn					
30	12	000269	12A06	A1	Nguyễn Thanh	Nhật					
31	12	000270	12A06	A1	Hồ Thị Yến	Nhi					
32	12	000271	12A06	A1	Nguyễn Uyển	Nhi					
33	12	000282	12A06	A1	Trần Tấn	Phát					
34	12	000286	12A06	A1	Tổng Hoàng	Phú					
35	13	000292	12A06	A1	Trần Trọng	Phúc					
36	13	000295	12A06	A1	Nguyễn Vũ Uyên	Phương					
37	13	000302	12A06	A1	Nguyễn Minh	Quân					
38	13	000303	12A06	A1	Nguyễn Quang Minh	Quân					
39	13	000308	12A06	A1	Trần Thị Cẩm	Quyên					
40	14	000324	12A06	A1	Hồ Thu	Thảo					
41	14	000334	12A06	A1	Vũ Phạm Thanh	Thư					
42	15	000350	12A06	A1	Trần Ngọc Bảo	Trân					
43	16	000363	12A06	A1	Trịnh Xuân	Trường					
44	16	000377	12A06	A1	Võ Quang	Vũ					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A7

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000079	12A07	A1	Trần Phúc Xuân	An					
2	4	000085	12A07	A1	La Quốc	Anh					
3	4	000086	12A07	A1	Lê Quốc Nam	Anh					
4	4	000087	12A07	A1	Nguyễn Thùy	Anh					
5	5	000103	12A07	A1	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu					
6	5	000107	12A07	A1	Nguyễn Thùy	Diệu					
7	5	000108	12A07	A1	Trần Thị Xuân	Diệu					
8	5	000115	12A07	A1	Nguyễn Nhật	Dương					
9	5	000116	12A07	A1	Trần Minh	Dương					
10	5	000121	12A07	A1	Nguyễn Quốc	Đạt					
11	6	000124	12A07	A1	Nguyễn Minh	Điền					
12	6	000128	12A07	A1	Phạm Minh	Đức					
13	6	000132	12A07	A1	Đỗ Quỳnh	Giang					
14	6	000142	12A07	A1	Nguyễn Mai	Hân					
15	7	000155	12A07	A1	Nguyễn Minh	Hòa					
16	8	000181	12A07	A1	Đặng Nguyên	Khang					
17	8	000182	12A07	A1	Hồ Lê Duy	Khang					
18	8	000183	12A07	A1	Phạm Võ Bảo	Khang					
19	8	000191	12A07	A1	Ngô Trần Anh	Khoa					
20	9	000197	12A07	A1	Đặng Bá	Khôi					
21	9	000216	12A07	A1	Bùi Đặng Hoàng	Long					
22	10	000220	12A07	A1	Hồ Cao	Lượng					
23	10	000222	12A07	A1	Lê Nguyễn Xuân	Mai					
24	10	000231	12A07	A1	Trần Ngọc Quang	Minh					
25	10	000237	12A07	A1	Đặng Phước Trà	My					
26	10	000238	12A07	A1	Nguyễn Hoàng	My					
27	10	000239	12A07	A1	Phạm Hà	My					
28	11	000258	12A07	A1	Minh Nguyễn Bảo	Ngọc					
29	11	000259	12A07	A1	Nguyễn Hải	Ngọc					
30	11	000265	12A07	A1	Lâm Khôi	Nguyễn					
31	12	000272	12A07	A1	Bùi Trần Yến	Nhi					
32	12	000273	12A07	A1	Hoàng Lê Quỳnh	Nhi					
33	12	000274	12A07	A1	Phạm Uyên	Nhi					
34	12	000278	12A07	A1	Vũ Thị Cẩm	Nhung					
35	12	000279	12A07	A1	Trần Võ Quỳnh	Như					
36	13	000293	12A07	A1	Phan Thị Ngọc	Phụng					
37	13	000296	12A07	A1	Nguyễn Thị Thu	Phương					
38	14	000335	12A07	A1	Nguyễn Thị Anh	Thư					
39	15	000343	12A07	A1	Lý Niệm	Toàn					
40	15	000351	12A07	A1	Bùi Nguyễn Bảo	Trân					
41	15	000358	12A07	A1	Nguyễn Quốc	Trọng					
42	15	000359	12A07	A1	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc					
43	16	000364	12A07	A1	Phan Thiên	Trường					
44	16	000365	12A07	A1	Nguyễn Thị Cẩm	Tú					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A8

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000080	12A08	A1	Trương Minh	An					
2	4	000088	12A08	A1	Nguyễn Kim	Anh					
3	4	000098	12A08	A1	Võ Quốc	Bảo					
4	5	000111	12A08	A1	Nguyễn Phan Tiến	Dũng					
5	5	000113	12A08	A1	Hoàng Vũ Mỹ	Duyên					
6	5	000122	12A08	A1	Võ Thành	Đạt					
7	6	000133	12A08	A1	Chu Ngọc Hải	Hà					
8	6	000136	12A08	A1	Tạ Tuấn	Hải					
9	6	000143	12A08	A1	Vũ Ngọc Bảo	Hân					
10	7	000168	12A08	A1	Nguyễn Tấn	Hưng					
11	8	000184	12A08	A1	Kim Thiên Phương	Khanh					
12	8	000192	12A08	A1	Huỳnh Nguyễn Anh	Khoa					
13	9	000198	12A08	A1	Vũ Huỳnh Đăng	Khôi					
14	9	000200	12A08	A1	Hồng Mộc Thiên	Kim					
15	9	000201	12A08	A1	Huỳnh Ngọc Thiên	Kim					
16	9	000202	12A08	A1	Cao Đỗ Anh	Kỳ					
17	9	000208	12A08	A1	Bùi Khánh	Linh					
18	9	000209	12A08	A1	Bùi Phương	Linh					
19	9	000210	12A08	A1	Đỗ Nguyễn Gia	Linh					
20	9	000211	12A08	A1	Nguyễn Hoài Phương	Linh					
21	9	000212	12A08	A1	Nguyễn Hoài Phương	Linh					
22	9	000213	12A08	A1	Vũ Thị Khánh	Linh					
23	10	000224	12A08	A1	Trần Tú	Mẫn					
24	11	000246	12A08	A1	Nguyễn Hồng Kim	Ngân					
25	11	000247	12A08	A1	Trần Hồng	Ngân					
26	11	000260	12A08	A1	Đinh Nguyễn Khánh	Ngọc					
27	11	000261	12A08	A1	Vũ Hoàng Minh	Ngọc					
28	11	000266	12A08	A1	Bùi Thanh	Nguyễn					
29	12	000275	12A08	A1	Dương Trần Thảo	Nhi					
30	12	000280	12A08	A1	Trần Ngọc Quỳnh	Như					
31	13	000298	12A08	A1	Đặng Hưng	Quang					
32	13	000309	12A08	A1	Bùi Ngọc Diệu	Quyên					
33	14	000316	12A08	A1	Trần	Tâm					
34	14	000326	12A08	A1	Lê Huỳnh Phúc	Thịnh					
35	14	000327	12A08	A1	Nguyễn Phước	Thịnh					
36	14	000336	12A08	A1	Nguyễn Ngọc Anh	Thư					
37	15	000344	12A08	A1	Nghiêm Đặng Thùy	Trang					
38	15	000345	12A08	A1	Phan Ngọc Yến	Trang					
39	15	000348	12A08	A1	Võ Phương	Trâm					
40	16	000369	12A08	A1	Trần Cao	Tường					
41	16	000382	12A08	A1	Phạm Thị Tường	Vy					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A9

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	4	000089	12A09	A1	Lê Hồng	Anh					
2	4	000090	12A09	A1	Nguyễn Viết Vy	Anh					
3	4	000091	12A09	A1	Phạm Đình Đức	Anh					
4	5	000099	12A09	A1	Huỳnh Quốc	Bảo					
5	5	000104	12A09	A1	Nguyễn Chí	Công					
6	5	000106	12A09	A1	Phạm Thành	Danh					
7	5	000112	12A09	A1	Vũ	Duy					
8	5	000114	12A09	A1	Nguyễn Văn	Dự					
9	6	000123	12A09	A1	Đỗ Chiêm	Đạt					
10	6	000129	12A09	A1	Phạm Việt	Đức					
11	6	000144	12A09	A1	Phạm Thanh	Hân					
12	6	000145	12A09	A1	Trần Lâm Gia	Hân					
13	6	000146	12A09	A1	Lê Phúc	Hậu					
14	7	000151	12A09	A1	Lương Thị Thu	Hiền					
15	7	000154	12A09	A1	Phan Văn	Hiếu					
16	7	000158	12A09	A1	Nguyễn Đức	Hùng					
17	7	000165	12A09	A1	Cao Nguyễn Quốc	Huy					
18	7	000166	12A09	A1	Tôn Thất Gia	Huy					
19	7	000169	12A09	A1	Nguyễn Phú	Hưng					
20	8	000172	12A09	A1	Nguyễn Hoàng Minh	Kha					
21	8	000173	12A09	A1	Lê Vũ Hoàng	Khải					
22	8	000189	12A09	A1	Đào Duy	Khánh					
23	10	000219	12A09	A1	Nguyễn Tiến	Lộc					
24	10	000232	12A09	A1	Mang Viên Bình	Minh					
25	10	000233	12A09	A1	Nguyễn Hữu Gia	Minh					
26	10	000234	12A09	A1	Nguyễn Nhật	Minh					
27	10	000242	12A09	A1	Nguyễn Duy	Nam					
28	11	000248	12A09	A1	Lê Thị Thu	Ngân					
29	11	000249	12A09	A1	Thái Nguyễn Kim	Ngân					
30	11	000262	12A09	A1	Nguyễn Khánh	Ngọc					
31	12	000267	12A09	A1	Huỳnh Hồ Khánh	Nguyễn					
32	12	000276	12A09	A1	Huỳnh Thị Yến	Nhi					
33	12	000283	12A09	A1	Nguyễn Tấn	Phát					
34	13	000299	12A09	A1	Trần Vinh	Quang					
35	13	000312	12A09	A1	Trương Đỗ Như	Quỳnh					
36	13	000314	12A09	A1	Lê Ngọc	Sương					
37	14	000328	12A09	A1	Nguyễn Thanh Phát	Thịnh					
38	14	000329	12A09	A1	Trần Trọng	Thuần					
39	14	000337	12A09	A1	Lê Minh	Thư					
40	14	000338	12A09	A1	Vũ Mạnh	Thương					
41	15	000342	12A09	A1	Nguyễn Đức	Tiến					
42	16	000368	12A09	A1	Nguyễn Minh	Tùng					
43	16	000373	12A09	A1	Huỳnh Nguyễn Thảo	Uyên					
44	16	000383	12A09	A1	Liều Thanh	Vy					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A10

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	17	000386	12A10	B	Nguyễn Thùy Lan	Anh					
2	17	000391	12A10	B	Lưu Thành	Danh					
3	17	000392	12A10	B	Nguyễn Thị Thùy	Dung					
4	17	000393	12A10	B	Đỗ Tất	Đạt					
5	17	000394	12A10	B	Quách Khánh	Đoan					
6	17	000395	12A10	B	Lê Huỳnh Minh	Đức					
7	17	000397	12A10	B	Đỗ Ngọc Bảo	Hân					
8	17	000398	12A10	B	Phan Tuấn Gia	Hân					
9	17	000400	12A10	B	Lương Ngọc Minh	Hằng					
10	17	000402	12A10	B	Nguyễn Mạnh	Hùng					
11	17	000404	12A10	B	Nguyễn Hoàng Lan	Hương					
12	17	000405	12A10	B	Vũ Minh	Khang					
13	17	000407	12A10	B	Đoàn Ngọc Tuấn	Khiêm					
14	18	000409	12A10	B	Khổng Tuấn	Kỳ					
15	18	000410	12A10	B	Nguyễn Mai Quỳnh	Linh					
16	18	000411	12A10	B	Nguyễn Ngọc Phương	Linh					
17	18	000412	12A10	B	Võ Khánh	Linh					
18	18	000414	12A10	B	Nguyễn Vũ Mai	Ly					
19	18	000416	12A10	B	Phan Đức	Mạnh					
20	18	000417	12A10	B	Trương Nguyễn Uyên	My					
21	18	000418	12A10	B	Trần Nguyễn Nhật	Nam					
22	18	000420	12A10	B	Trần Phạm Long	Nghĩa					
23	18	000421	12A10	B	Quách Nguyễn Mỹ	Ngọc					
24	18	000424	12A10	B	Bùi Đặng Yến	Nhi					
25	18	000429	12A10	B	Cao Nguyễn Đình	Phong					
26	18	000431	12A10	B	Võ Hoa Hồng	Quý					
27	19	000433	12A10	B	Nguyễn Đức	Thành					
28	19	000434	12A10	B	Nguyễn Thị Phương	Thảo					
29	19	000435	12A10	B	Võ Hoa Hồng	Thiện					
30	19	000437	12A10	B	Lê Thị Minh	Thư					
31	19	000438	12A10	B	Nguyễn Anh	Thư					
32	19	000439	12A10	B	Nguyễn Minh	Thư					
33	19	000443	12A10	B	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm					
34	19	000447	12A10	B	Nguyễn Hoàng Lập	Văn					
35	19	000448	12A10	B	Lê Bảo Tường	Vy					
36	19	000449	12A10	B	Nguyễn Võ Khánh	Vy					
37	19	000452	12A10	B	Trần Thị Như	Ý					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A11

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	17	000385	12A11	B	Nguyễn Thành Quốc	An					
2	17	000387	12A11	B	Danh Vũ Loan	Anh					
3	17	000388	12A11	B	Lê Hồng	Anh					
4	17	000389	12A11	B	Nguyễn Vũ Ánh	Châu					
5	17	000390	12A11	B	Lê Bửu	Chương					
6	17	000396	12A11	B	Hồ Lê Hải	Hà					
7	17	000399	12A11	B	Lê Nguyễn Bảo	Hân					
8	17	000401	12A11	B	Vương Gia	Hòa					
9	17	000403	12A11	B	Nguyễn Chánh	Hưng					
10	17	000406	12A11	B	Nguyễn Tường Uyên	Khanh					
11	17	000408	12A11	B	Trần Nguyễn Mạnh	Khôi					
12	18	000413	12A11	B	Phạm Hải	Linh					
13	18	000415	12A11	B	Nguyễn Thị Xuân	Mai					
14	18	000419	12A11	B	Nguyễn Kim Như	Ngân					
15	18	000422	12A11	B	Nguyễn Khánh	Ngọc					
16	18	000423	12A11	B	Lê Phạm Phúc	Nguyễn					
17	18	000425	12A11	B	Châu Thị Yến	Nhi					
18	18	000426	12A11	B	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi					
19	18	000427	12A11	B	Huỳnh Ngọc	Như					
20	18	000428	12A11	B	Nguyễn Thị Kiều	Oanh					
21	18	000430	12A11	B	Trần Nguyễn Bảo	Quân					
22	19	000432	12A11	B	Lê Phạm Ý	Tâm					
23	19	000436	12A11	B	Nguyễn Đức	Thịnh					
24	19	000440	12A11	B	Nguyễn Phạm Minh	Thư					
25	19	000441	12A11	B	Trương Thanh	Thư					
26	19	000442	12A11	B	Đinh Hoàng Khánh	Trang					
27	19	000444	12A11	B	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh					
28	19	000445	12A11	B	Lê Hồng Thái	Tuấn					
29	19	000446	12A11	B	Phạm Duy	Uyên					
30	19	000450	12A11	B	Nguyễn Thị Yến	Vy					
31	19	000451	12A11	B	Nguyễn Thành Diên	Vỹ					
32	19	000453	12A11	B	Phùng Như	Ý					
33	19	000454	12A11	B	Lưu Ngọc	Yến					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A12

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh					
1	20	000455	12A12	D-TN	Doãn Hồ Phương	Anh				
2	20	000456	12A12	D-TN	Đinh Phương	Anh				
3	20	000457	12A12	D-TN	Nguyễn Đặng Bảo	Anh				
4	20	000458	12A12	D-TN	Nguyễn Ngọc Lan	Anh				
5	20	000459	12A12	D-TN	Phạm Gia	Bảo				
6	20	000460	12A12	D-TN	Vũ Trần Thái	Bảo				
7	20	000461	12A12	D-TN	Huỳnh Nguyễn Vĩ	Cầm				
8	20	000462	12A12	D-TN	Huỳnh Bảo	Châu				
9	20	000463	12A12	D-TN	Nguyễn Trần Nguyên	Hạnh				
10	20	000464	12A12	D-TN	Phan Hồng	Hạnh				
11	20	000465	12A12	D-TN	Đoàn Bảo	Hân				
12	20	000466	12A12	D-TN	Hà Tiểu	Hân				
13	20	000467	12A12	D-TN	Lê Ngọc	Hân				
14	20	000468	12A12	D-TN	Phan Minh	Hoàng				
15	20	000469	12A12	D-TN	Bùi Gia Xuân	Hồng				
16	20	000470	12A12	D-TN	Trần Nhật	Huy				
17	20	000471	12A12	D-TN	Bùi Quang	Khải				
18	20	000472	12A12	D-TN	Trần Minh	Khang				
19	20	000473	12A12	D-TN	Lê Trần My	My				
20	20	000474	12A12	D-TN	Thạch Khánh	My				
21	20	000475	12A12	D-TN	Nguyễn Thị Thúy	Nga				
22	20	000476	12A12	D-TN	Cao Huỳnh Kim	Ngân				
23	20	000477	12A12	D-TN	Nguyễn Đoàn Phương	Nghi				
24	20	000478	12A12	D-TN	Lê Nguyễn Khánh	Ngọc				
25	21	000479	12A12	D-TN	Nguyễn Minh Bảo	Ngọc				
26	21	000480	12A12	D-TN	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc				
27	21	000481	12A12	D-TN	Bùi Uyển	Nhi				
28	21	000482	12A12	D-TN	Nguyễn Đoàn Tuyết	Nhi				
29	21	000483	12A12	D-TN	Lê Vũ Quỳnh	Như				
30	21	000484	12A12	D-TN	Thái Mỹ	Phụng				
31	21	000485	12A12	D-TN	Đỗ Lê Uyên	Phương				
32	21	000486	12A12	D-TN	Nguyễn Hồng	Phương				
33	21	000487	12A12	D-TN	Huỳnh Như	Quỳnh				
34	21	000488	12A12	D-TN	Doãn Quốc	Thanh				
35	21	000489	12A12	D-TN	Nguyễn Lê Thanh	Thảo				
36	21	000490	12A12	D-TN	Trần Phương	Thảo				
37	21	000491	12A12	D-TN	Đào Mạnh	Thiên				
38	21	000492	12A12	D-TN	Chu Thị Minh	Thư				
39	21	000493	12A12	D-TN	Doãn Minh	Thư				
40	21	000494	12A12	D-TN	Lê Anh	Thư				
41	21	000495	12A12	D-TN	Nguyễn Quỳnh Minh	Thư				
42	21	000496	12A12	D-TN	Nguyễn Thị Minh	Thư				
43	21	000497	12A12	D-TN	Nguyễn Hồ Ngọc	Trâm				
44	21	000498	12A12	D-TN	Trần Đình Bảo	Trân				
45	21	000499	12A12	D-TN	Nguyễn Thị Yến	Vi				
46	21	000500	12A12	D-TN	Ngô Phương	Vy				
47	21	000501	12A12	D-TN	Nguyễn Hoàng Minh	Vy				
48	21	000502	12A12	D-TN	Trương Huỳnh Kim	Yến				

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A13

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	22	000503	12A13	D-XH	Trần Gia	An					
2	22	000505	12A13	D-XH	Đinh Thị Kim	Anh					
3	22	000514	12A13	D-XH	Lê Nguyễn Nhật	Duy					
4	22	000518	12A13	D-XH	Bùi Ngọc Bảo	Hân					
5	22	000519	12A13	D-XH	Đinh Ngọc Bảo	Hân					
6	22	000520	12A13	D-XH	Phạm Dương Trúc	Hân					
7	22	000522	12A13	D-XH	Ngô Thị Kim	Hoa					
8	22	000524	12A13	D-XH	Võ Ngọc Phương	Hoài					
9	22	000526	12A13	D-XH	Lê Nguyễn Hoàng	Huy					
10	22	000527	12A13	D-XH	Lương Vũ Gia	Huy					
11	23	000531	12A13	D-XH	Nguyễn Thị Trúc	Lành					
12	23	000532	12A13	D-XH	Trần Ngọc Gia	Linh					
13	23	000533	12A13	D-XH	Nguyễn Lê Thanh	Mai					
14	23	000538	12A13	D-XH	Ngô Mẫn	Nghi					
15	23	000539	12A13	D-XH	Thái Xuân	Nghi					
16	23	000542	12A13	D-XH	Nguyễn Bích	Ngọc					
17	23	000548	12A13	D-XH	Võ Hạo	Nguyên					
18	23	000550	12A13	D-XH	Thân Nguyệt	Nhi					
19	24	000554	12A13	D-XH	Bùi Quỳnh	Như					
20	24	000555	12A13	D-XH	Hoàng Tâm	Như					
21	24	000556	12A13	D-XH	Lại Võ Tâm	Như					
22	24	000557	12A13	D-XH	Nguyễn Ngọc Bảo	Như					
23	24	000558	12A13	D-XH	Võ Nguyễn Quỳnh	Như					
24	24	000559	12A13	D-XH	TRẦN MINH	PHÁT					
25	24	000560	12A13	D-XH	Nguyễn Lê Mai	Phương					
26	24	000564	12A13	D-XH	Trương Minh	Quân					
27	24	000565	12A13	D-XH	Nguyễn Ngọc	Quỳnh					
28	24	000569	12A13	D-XH	Phan Thị Thanh	Thảo					
29	24	000571	12A13	D-XH	Nguyễn Xuân Hoàn	Thiện					
30	24	000572	12A13	D-XH	Trần Thanh	Thiện					
31	24	000573	12A13	D-XH	Trần Phương	Thùy					
32	24	000575	12A13	D-XH	Đinh Hồng Minh	Thư					
33	25	000576	12A13	D-XH	Nguyễn Đoàn Minh	Thư					
34	25	000577	12A13	D-XH	Nguyễn Minh	Thư					
35	25	000579	12A13	D-XH	Vũ Hoài	Thương					
36	25	000580	12A13	D-XH	Trần Đăng Yển	Thy					
37	25	000582	12A13	D-XH	Bùi Thị Huyền	Trang					
38	25	000583	12A13	D-XH	Lê Ngọc Thảo	Trâm					
39	25	000584	12A13	D-XH	Trần Nguyễn Ngọc	Trâm					
40	25	000585	12A13	D-XH	Bùi Ngọc Bảo	Trân					
41	25	000586	12A13	D-XH	Lê Quách Bảo	Trân					
42	25	000588	12A13	D-XH	Phan Thanh	Trúc					
43	25	000589	12A13	D-XH	Trần Thị Thanh	Trúc					
44	25	000592	12A13	D-XH	Nguyễn Lê	Tuấn					
45	25	000594	12A13	D-XH	Nguyễn Lê Trúc	Vi					
46	25	000595	12A13	D-XH	Đại Huỳnh Khánh	Vinh					
47	25	000596	12A13	D-XH	Huỳnh Nguyễn Phương	Vy					

DANH SÁCH PHÒNG KIỂM TRA LỚP 12A14

STT	SỐ PHÒNG	SỐ BẢO DANH	LỚP	Ban	Họ tên học sinh						
1	22	000504	12A14	D-XH	Nguyễn Trần Thu	An					
2	22	000506	12A14	D-XH	Ngô Thị Lan	Anh					
3	22	000507	12A14	D-XH	Nguyễn Trần Châu	Anh					
4	22	000508	12A14	D-XH	Trương Thị Lan	Anh					
5	22	000509	12A14	D-XH	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh					
6	22	000510	12A14	D-XH	Sang Gia	Bội					
7	22	000511	12A14	D-XH	Nguyễn Ngọc Minh	Châu					
8	22	000512	12A14	D-XH	Huỳnh Thiên	Chương					
9	22	000513	12A14	D-XH	Yu Ngọc	Doanh					
10	22	000515	12A14	D-XH	Nguyễn Quỳnh	Đan					
11	22	000516	12A14	D-XH	Trần Thị Phương	Giang					
12	22	000517	12A14	D-XH	Đào Ngọc	Hải					
13	22	000521	12A14	D-XH	Phạm Gia	Hân					
14	22	000523	12A14	D-XH	Nguyễn Mai	Hoa					
15	22	000525	12A14	D-XH	Tô Thanh	Hoàng					
16	23	000528	12A14	D-XH	Võ Huy	Khánh					
17	23	000529	12A14	D-XH	Đoàn Phạm Gia	Khiêm					
18	23	000530	12A14	D-XH	NGUYỄN HÀ THU	KHUÊ					
19	23	000534	12A14	D-XH	Đình Hoàng	Minh					
20	23	000535	12A14	D-XH	Nguyễn Kim A	My					
21	23	000536	12A14	D-XH	Phạm Hoàng	Nam					
22	23	000537	12A14	D-XH	Nguyễn Bảo Thanh	Ngân					
23	23	000540	12A14	D-XH	Lê Phạm Triều	Nghi					
24	23	000541	12A14	D-XH	Phạm Phương	Nghi					
25	23	000543	12A14	D-XH	Hỏa Minh	Ngọc					
26	23	000544	12A14	D-XH	Ngô Hoàng Bảo	Ngọc					
27	23	000545	12A14	D-XH	Phạm Trương Bảo	Ngọc					
28	23	000546	12A14	D-XH	Trần Bảo	Ngọc					
29	23	000547	12A14	D-XH	Trịnh Thị Kim	Ngọc					
30	23	000549	12A14	D-XH	Mai Phước	Nguyên					
31	23	000551	12A14	D-XH	Bùi Trương Uyên	Nhi					
32	24	000552	12A14	D-XH	Lưu Ngọc Thảo	Nhi					
33	24	000553	12A14	D-XH	Hà Đoàn Khánh	Nhu					
34	24	000561	12A14	D-XH	Hoàng Lan	Phương					
35	24	000562	12A14	D-XH	Lê Nguyễn Uyên	Phương					
36	24	000563	12A14	D-XH	Nguyễn Trần Nhật	Phương					
37	24	000566	12A14	D-XH	Nguyễn Hoàng Mỹ	Quỳnh					
38	24	000567	12A14	D-XH	Trương Thị Như	Quỳnh					
39	24	000568	12A14	D-XH	Phạm Minh	Tâm					
40	24	000570	12A14	D-XH	Huỳnh Anh	Thi					
41	24	000574	12A14	D-XH	Nguyễn Đặng Hương	Thùy					
42	25	000578	12A14	D-XH	Bùi Nguyễn Anh	Thư					
43	25	000581	12A14	D-XH	Võ Song	Toàn					
44	25	000587	12A14	D-XH	Ngô Nguyễn Bảo	Trân					
45	25	000590	12A14	D-XH	Vũ Minh	Trung					
46	25	000591	12A14	D-XH	Bùi Ngọc Thanh	Tú					
47	25	000593	12A14	D-XH	Lê Thị Tố	Vân					
48	25	000597	12A14	D-XH	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy					
49	25	000598	12A14	D-XH	Phạm Thị Thanh	Xuân					